



# Chương 6

# ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

**Nguyễn Thị Minh Thu**  
**Bộ môn Kế hoạch và Đầu tư**

# NỘI DUNG

6.1 Đầu tư quốc tế và các hình thức đầu tư quốc tế

6.2 Vai trò của đầu tư quốc tế

6.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới đầu tư quốc tế

# 6.1 Đầu tư quốc tế và các hình thức đầu tư quốc tế

## 6.1.1 Đầu tư quốc tế?

## 6.1.2 Các hình thức đầu tư quốc tế phổ biến

## 6.1.1 Đầu tư quốc tế?

- Là sự **chuyển dịch nguồn lực đầu tư** từ **quốc gia này sang quốc gia khác** để thực hiện hoạt động **đầu tư** dưới các hình thức khác nhau nhằm **mang lại lợi ích** cho các bên tham gia.

Lợi ích của nước đi đầu tư

- Lợi nhuận
- Tạo ràng buộc kinh tế, chính trị...

Lợi ích của nước nhận đầu tư

- Tiếp nhận vốn, công nghệ
- Tăng trưởng kinh tế
- Giải quyết việc làm...

## 6.1.2 Các hình thức đầu tư quốc tế phổ biến (1)

### ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP, ODA

- Chủ đầu tư **không trực tiếp tham gia** vào quá trình thực hiện và vận hành kết quả đầu tư.
- ODA (*Official Development Assistance*): Hỗ trợ phát triển chính thức

### ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP, FDI

- Chủ đầu tư **trực tiếp tham gia** vào quá trình đầu tư và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư
- FDI (*Foreign Direct Investment*): Đầu tư trực tiếp nước ngoài

## 6.1.2 Các hình thức đầu tư quốc tế phổ biến (2)

### **ODA** (*Official Development Assistance*)

- ODA là nguồn tài chính do các cơ quan chính thức (*chính quyền nhà nước hay địa phương*) của một nước **viện trợ** cho các nước đang phát triển và các tổ chức nhằm **thúc đẩy phát triển kinh tế và phúc lợi** của nước này

### **FDI** (*Foreign Direct Investment*)

- FDI là loại hình đầu tư, trong đó chủ đầu tư nước ngoài trực tiếp tham gia quản lý, điều hành đối tượng đầu tư.
- FDI chủ yếu được thực hiện từ nguồn vốn tư nhân nhằm mục đích **thu được lợi nhuận cao hơn qua việc triển khai hoạt động SXKD ở nước ngoài.**

## 6.1.2 Các hình thức đầu tư quốc tế phổ biến (3)

### **ODA** (*Official Development Assistance*)

- Phân loại:
  - ODA **song** phương và **đa** phương
  - ODA **không hoàn** lại và **có hoàn** lại (*Vay ưu đãi*)

### **FDI** (*Foreign Direct Investment*)

- Phân loại:
  - **100%** vốn FDI và vốn **hỗn hợp** (*liên doanh, cổ phần, hợp đồng hợp tác kinh doanh*)
  - Đầu tư theo chiều **ngang** (*ĐT-SX -Tiêu thụ nội địa*) và theo chiều **dọc** (*ĐT-SX-XK*)
  - Đầu tư **mới**, **sáp nhập** hoặc **mua** lại

## 6.1.2 Các hình thức đầu tư quốc tế phổ biến (4)

### **ODA** (*Official Development Assistance*)

- Đặc điểm:
  - Ưu đãi
  - Ràng buộc
  - Có khả năng gây nợ cho nước nhận

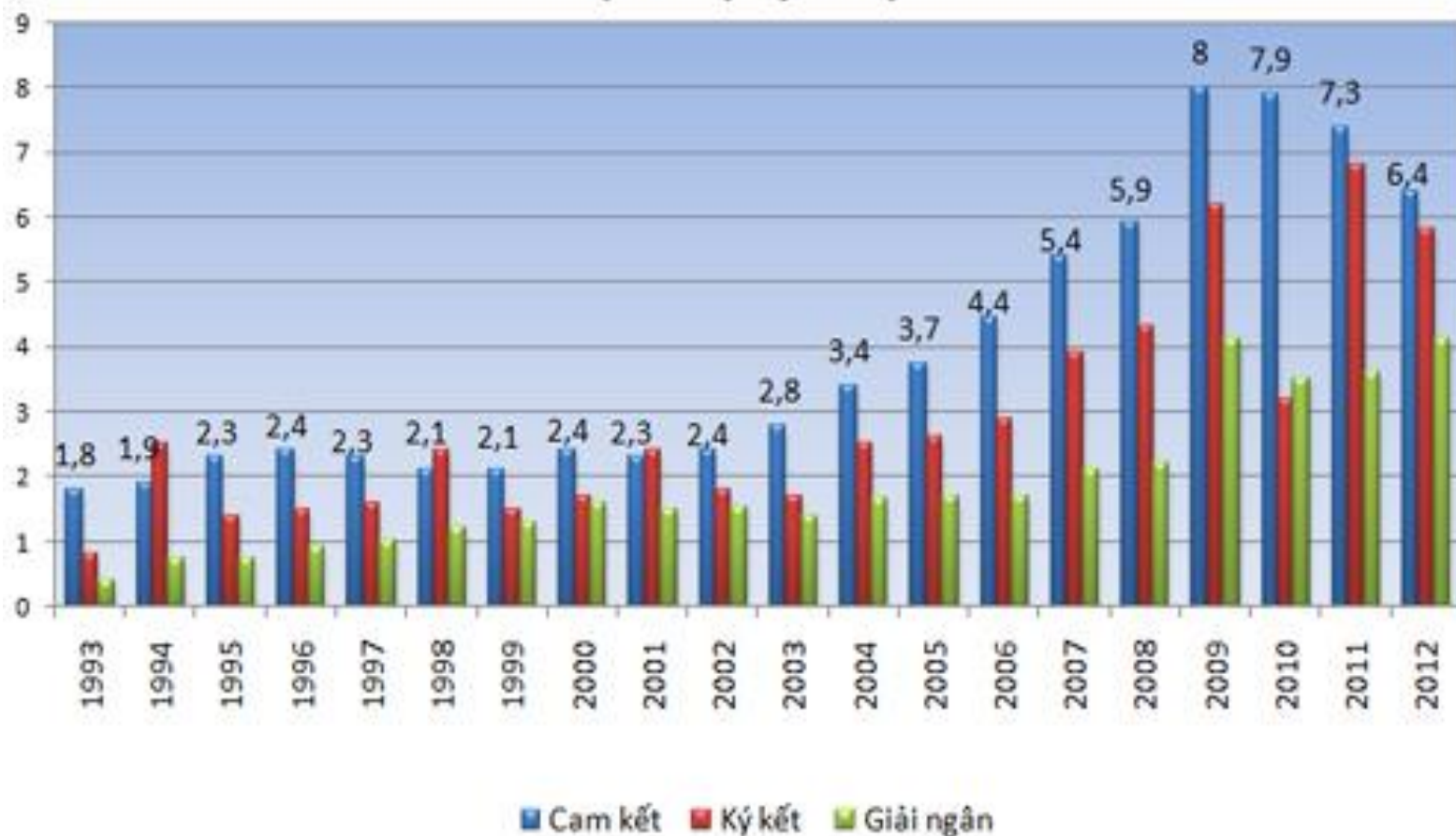
### **FDI** (*Foreign Direct Investment*)

- Đặc điểm:
  - Chủ đầu tư quốc tế phải góp vốn tối thiểu theo quy định của nước nhận đầu tư
  - Quyền quản lý phụ thuộc vốn góp
  - Lợi nhuận phụ thuộc kết quả SXKD, phân chia theo vốn góp

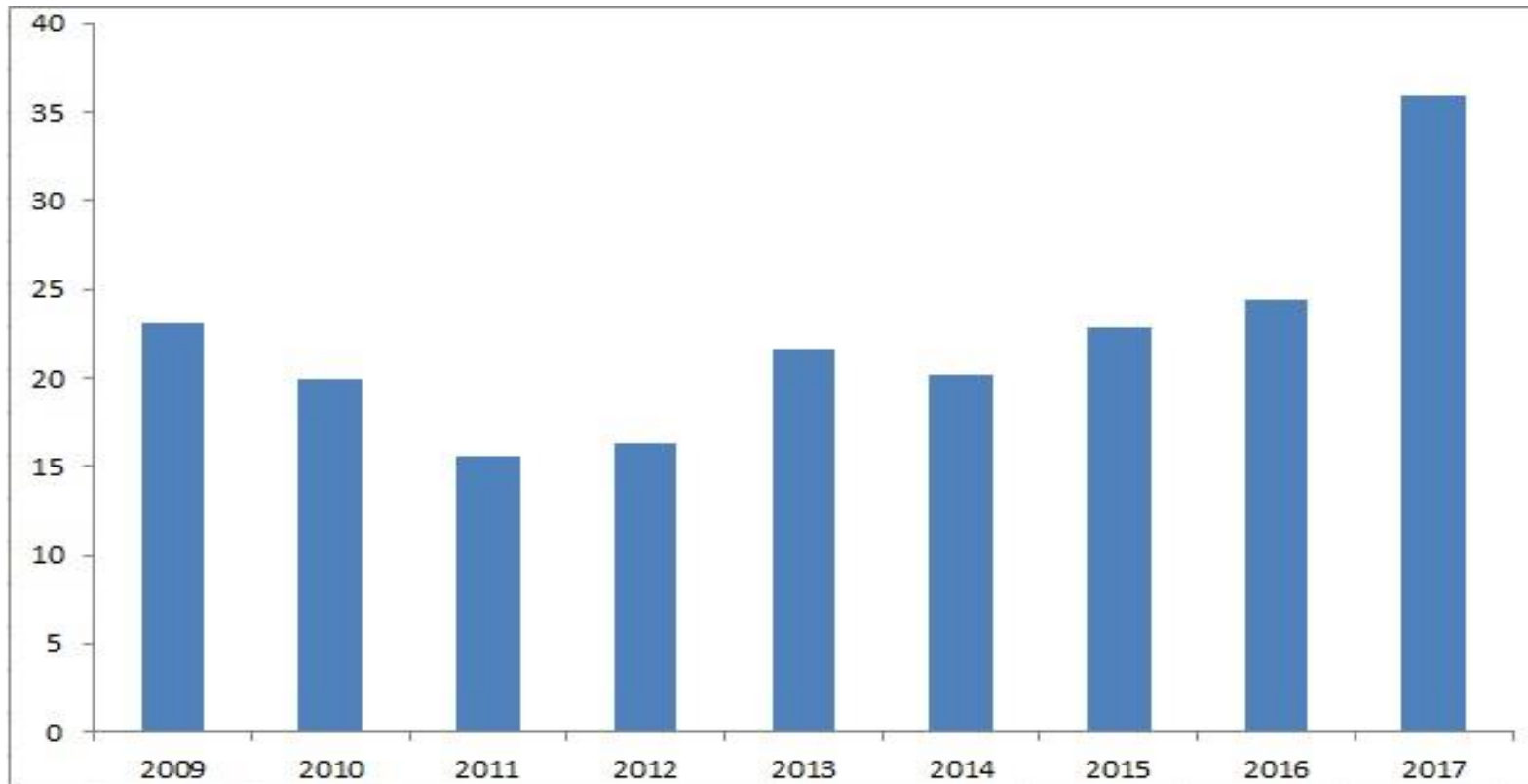


# CAM KẾT – KÝ KẾT – GIẢI NGÂN

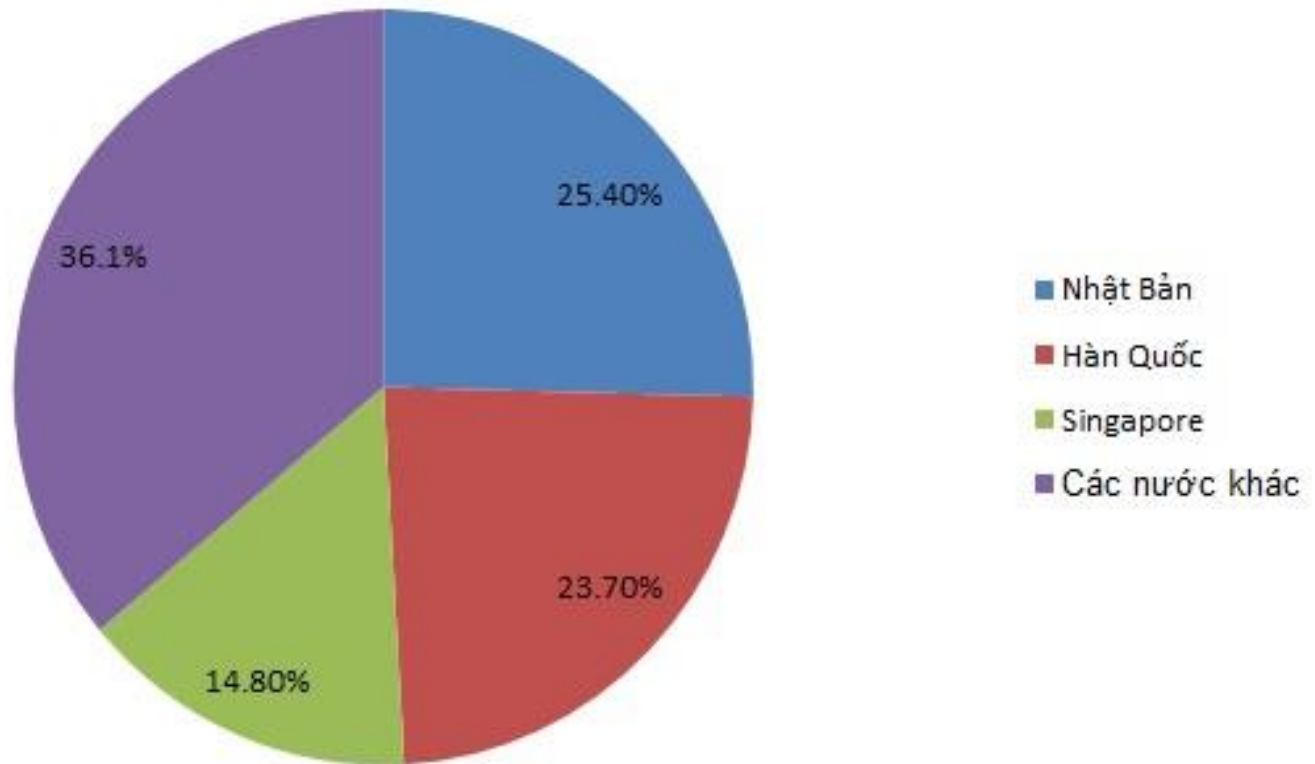
Cam kết, ký kết, giải ngân vốn ODA thời kỳ 1993-2012  
(Đơn vị: Tỷ USD)



# Vốn FDI đăng ký vào Việt Nam (tỷ usd)



# Đối tác FDI tại Việt Nam năm 2017



## 6.2 Vai trò của đầu tư quốc tế

- **Đối với quốc gia đi đầu tư:**

- Tạo **sức ép chính trị và kinh tế** đối với nước nhận đầu tư để được hưởng lợi
- Bành chướng để **khai thác lợi thế so sánh** của nước tiếp nhận đầu tư

# Tác động tích cực đối với nước chủ đầu tư

- Khai thác đầu vào với chi phí thấp hơn trong nước
- Thu lợi nhuận cao hơn cho chủ đầu tư
- Khuyến khích trưng sản phẩm
- Mở rộng thị trường

# Tác động **tiêu cực** đối với **nước chủ đầu tư**

- Chảy máu chất xám
- Có thể gặp rủi ro lớn
- Có nguy cơ tụt hậu
- Giảm việc làm ở nước chủ đầu tư

## 6.2 Vai trò của đầu tư quốc tế

- **Đối với quốc gia tiếp nhận đầu tư:**
  - Giải quyết thiếu **vốn**
  - Tiếp cận **KHCN**, **phát triển nhân lực**
  - **Thu hút FDI** và các nguồn vốn **đầu tư** khác
  - **Không lo trả nợ** từ tiếp nhận FDI
  - Hạn chế: *Khó kiểm soát, trốn thuế, môi trường, chuyển giao công nghệ lạc hậu với giá cao, mất an ninh chính trị...*

# Tác động tích cực đối với nước nhận đầu tư

- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động
- Hỗ trợ CNH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Học tập kinh nghiệm quản lý, tác phong làm việc, tiếp nhận KHCN hiện đại từ nước đầu tư
- Khai thác tài nguyên hiệu quả
- Giải quyết khó khăn do thiếu vốn
- Góp phần giải quyết các vấn đề xã hội...



# Tác động tiêu cực đối với nước nhận đầu tư

- Khoảng cách giàu nghèo tăng
- Gây ô nhiễm môi trường
- Lệ thuộc vào yêu cầu của chủ đầu tư
- Các vấn đề về tệ nạn xã hội và bệnh tật gia tăng...

## 6.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới đầu tư quốc tế

6.3.1 Nhóm yếu tố ảnh hưởng thuộc về nước nhận đầu tư

6.3.2 Nhóm yếu tố ảnh hưởng thuộc về nước đi đầu tư

6.3.3 Nhóm yếu tố ảnh hưởng thuộc về khu vực và quốc tế

## 6.3.1 Nhóm yếu tố ảnh hưởng thuộc về nước **nhận đầu tư**

- **Chính trị:** Ổn định chính trị >>> Ổn định KTXH >>> Giảm rủi ro cho nhà đầu tư
- **Luật pháp:** Chính sách, quy định, luật đảm bảo nhất quán, không mâu thuẫn, chông chéo và có tính hiệu lực cao. Chính sách: *sở hữu, thuế, ngoại hối, quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài...*
- **Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên:** Đất đai, khí hậu, tài nguyên, dân số...
- **Trình độ phát triển kinh tế:** Quản lý vĩ mô, chất lượng dịch vụ phục vụ SXKD, tính cạnh tranh của thị trường trong nước...
- **Đặc điểm phát triển VHXH:** Ngôn ngữ, tôn giáo, tập quán, giáo dục, đào tạo...

## 6.3.2 Nhóm yếu tố ảnh hưởng thuộc về nước **đi đầu tư**

- Thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô
  - CS tài chính, tiền tệ
  - CS xuất, nhập khẩu
  - CS ngoại hối
- Các hoạt động thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài
  - Hiệp định song phương
  - Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
- Tiềm lực kinh tế, KH-CN và chính sách XH
  - Do thừa vốn
  - Có sẵn công nghệ
  - Trợ cấp xã hội, đặc biệt là thất nghiệp...

## 6.3.3 Nhóm yếu tố ảnh hưởng thuộc về khu vực và quốc tế

- Xu hướng đối thoại giữa các nước
- Liên kết khu vực
- Tăng trưởng nhanh của các nước công ty đa quốc gia (TNCs và MNCs)
- Tác động của toàn cầu hóa...

# Hết chương

**???** Đọc tài liệu về thu hút FDI ở Việt Nam?